

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2495,1m²	7,3 m²/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	m²	m²/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	975m ²	2,8m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	242m ²	0,71m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	531 m ²	1,56m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	80 m ²	0,31m ² /trẻ (MG)
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	80m ²	0,31m ² /trẻ (MG)
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	183m ²	0,53m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	891	12-24 th : 34 25-36 th : 53 3-4 tuổi: 66 4-5 tuổi: 84 5-6 tuổi: 89
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	112	12-24 th : 8 25-36 th : 9 3-4 tuổi: 9 4-5 tuổi: 11 5-6 tuổi: 6
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	22	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	11	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		

1	Ti vi	17	
2	Máy cassette	01	
3	Đầu đĩa	02	
4	Loa âm thanh ngoài trời	01	
5	Loa âm thanh trong phòng họp	01	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	2	1/1	0.2m ² /trẻ	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Bình Thạnh, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Huyền

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	40			14	16	4	6	12	13	4				
I	Giáo viên	27			11	15	1		12	13	2				
1	Nhà trẻ	8			2	5	0		2	4	2		8	1	
2	Mẫu giáo	19			9	10	1		7	9	0		7	11	
II	Cán bộ quản lý	3			3						2		3		
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2						1		2		
III	Nhân viên	10				1	3	6							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	8					2	6							

Bình Thạnh, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Huyền